

Số: 1192/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành kế hoạch và điều động cán bộ giảng viên thực hiện kiểm định chương trình đào tạo đại học

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 04/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Chính sách và Phát triển thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-BKH ngày 18/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ngày 19/5/2017 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học ;

Căn cứ vào kết luận cuộc họp ngày 25/12/2019 do PGĐ Nguyễn Thế Vinh chủ trì về kiểm định chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng:

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này kế hoạch làm việc về kiểm định chương trình đào tạo (*Phụ lục 1*).

Điều 2: Điều động một số cán bộ thuộc các Khoa/bộ môn/phòng (*Phụ lục 2*) về các nhóm công việc để thực hiện xây dựng minh chứng và hỗ trợ viết báo cáo và thực hiện các nội dung kiểm định (*Phụ lục 3*)

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các trưởng khoa KTPT, KTQT, QTKD và các trưởng khoa, bộ môn, phòng và các ông bà có tên trong Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Học viện (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu: TCHC, QLĐT.
- Các đơn vị trực thuộc Học viện;

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Thế Vinh

PHỤ LỤC 1: KẾ HOẠCH LÀM VIỆC KIỂM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 127/QĐ-HVCSPT ngày 12 tháng 12 năm 2019)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú
1	Rà soát, góp ý các minh chứng theo tiêu chuẩn, tiêu chí từ các khoa (đơn vị kiểm định).	TTKTĐBCL	Khoa KTPT, KTQT, QTKD	Danh mục minh chứng tổng hợp, Edit 1	28/12/2019	Các đơn vị gửi trước 17h ngày 27/12
2	Bản mô tả chương trình đào tạo 2016, 2018	Khoa KTPT, KTQT, QTKD	P.QLĐT	Bản mô tả chương trình đào tạo 2016, 2018	27/12/2019	
3	Rà soát chốt minh chứng của các tiêu chuẩn, tiêu chí từ 1-4, phân về nhóm, đơn vị thực hiện bổ sung	TTKTĐBCL Khoa KTPT	Khoa KTQT, QTKD	Danh mục minh chứng tổng hợp, Edit 2	29/12/2019	
4	Rà soát chốt minh chứng của các tiêu chuẩn, tiêu chí từ 5-8, phân về nhóm, đơn vị thực hiện bổ sung	TTKTĐBCL Khoa QTKD	Khoa KTQT, KTPT	Danh mục minh chứng tổng hợp, Edit 2	29/12/2019	
5	Rà soát chốt minh chứng của các tiêu chuẩn, tiêu chí từ 8-11, phân về nhóm, đơn vị thực hiện bổ sung	TTKTĐBCL Khoa KTQT	Khoa KTPT QTKD	Danh mục minh chứng tổng hợp, Edit 2	29/12/2019	
6	So sánh các chương trình đào tạo các năm 2014, 2016, 2018	Khoa KTPT, KTQT, QTKD	TTKTĐBCL P.QLĐT	Bảng so sánh CTĐT (yêu cầu thể hiện rõ đã có những thay đổi, cải tiến gì 2016 so 2014, 2018 so với 2016)	03/1/2020	
7	So sánh bản mô tả chương trình đào tạo các năm 2016, 2018	Khoa KTPT, KTQT, QTKD	TTKTĐBCL P.QLĐT	Bảng so sánh mô tả CTĐT (yêu cầu thể hiện rõ đã có những thay đổi, cải tiến gì 2018 so với 2016)	03/1/2020	
8	Tập hợp, khởi tạo các minh chứng liên quan đến khảo sát.(Thiết kế phiếu, tổ chức thu thập thông tin, xử lý dữ liệu, ra báo cáo khảo sát)	Nhóm khảo sát GV Khoa KTQT, QTKD, KTPT	TTKTĐBCL P.QLĐT Các đơn vị thuộc HV	Minh chứng liên quan đến Hồ sơ khảo sát	8/1/2020	
9	Tập hợp, khởi tạo các minh chứng liên quan đến quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên....	Nhóm nhân sự GV Khoa KTQT, QTKD	TTKTĐBCL Các đơn vị thuộc HV (GV	Minh chứng liên quan đến đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	8/1/2020	

		Phòng TCHC	các BM)			
10	Tập hợp, khởi tạo các minh chứng liên quan đến hỗ trợ người học (CVHT, Công tác SV, ...)	P.CTCTSV Nhóm CVHT, GV các đơn vị	TTKTĐBCL P.QLĐT Các đơn vị thuộc HV (GV các BM, Trợ lý khoa...)	Minh chứng liên quan hỗ trợ người học	8/1/2020	
11	Tập hợp, khởi tạo các minh chứng liên quan đến quy định, quy chế	Nhóm quy chế CV các phòng ban	TTKTĐBCL Các phòng chức năng GV các BM	Minh chứng liên quan đến quy chế, quy định	8/1/2020	
12	Tập hợp, khởi tạo các minh chứng liên quan đến NCKH	Phòng KHHT GV KTPT, QTKD, KTQT	TTKTĐBCL Các đơn vị thuộc HV (GV các BM)	Minh chứng liên quan đến NCKH	8/1/2020	
13	Tập hợp, khởi tạo các minh chứng liên cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện	Nhóm CSVC GV KTPT, QTKD, KTQT	TTKTĐBCL Thư viện P.TCHC Các đơn vị thuộc HV (GV các BM)	Minh chứng liên quan đến cơ sở vật chất, học liệu	8/1/2020	
14	Tập hợp, khởi tạo các minh chứng liên quan sinh hoạt khoa học tại các bộ môn	Các bộ môn	TTKTĐBCL P.QLĐT Các đơn vị	Minh chứng liên quan phương pháp giảng dạy, nội dung học phần, CĐR, kế hoạch giảng dạy...	8/1/2020	
15	Tập hợp, khởi tạo các minh chứng liên quan đến - tuyển sinh (chính sách, phương pháp tuyển chọn, đề án...) - CTĐT, đề cương, mô tả CTĐT, chuẩn đầu ra, tốt nghiệp, thôi học - Biên bản hội thảo, họp khoa	P.QLĐT Khoa KTPT, QTKD, KTQT	Các đơn vị	Minh chứng liên quan	10/1/2020	
16	Tập hợp, khởi tạo các minh chứng liên quan đến công tác quản lý sinh viên tại khoa chuyên ngành	Khoa KTPT, QTKD, KTQT	TTKTĐBCL P.QLĐT P.CTCTSV Các đơn vị	Minh chứng liên quan quản lý sinh viên tại khoa chuyên ngành	8/1/2020	
17	Viết phần tổng quan của báo cáo (mở đầu, giới thiệu về Học viện...	Khoa KTPT	TTKTĐBCL Khoa KTQT, QTKD	Phần đầu báo cáo	13/1/2020	

18	Viết phụ lục 8	Khoa KTQT	TTKTĐBCL Khoa KTPT, QTKD	Phụ lục 8	13/1/2020	
19	Viết báo cáo, tập hợp minh chứng theo tiêu chuẩn, tiêu chí từ 1-4	Khoa KTPT	TTKTĐBCL Khoa KTQT, QTKD	Báo, danh mục minh chứng	13/1/2020	
19	Viết báo cáo, tập hợp minh chứng theo tiêu chuẩn, tiêu chí từ 5-8	Khoa QTKD	TTKTĐBCL Khoa KTQT, KTPT	Báo, danh mục minh chứng	13/1/2020	
20	Viết báo cáo, tập hợp minh chứng theo tiêu chuẩn, tiêu chí từ 9-11	Khoa KTQT	TTKTĐBCL Khoa KTPT, KTQT	Báo, danh mục minh chứng	13/1/2020	
21	Viết báo cáo, tập hợp minh chứng chuyên ngành KHPT	Khoa KTPT	TTKTĐBCL	Báo, danh mục minh chứng	15/1/2020	
22	Viết báo cáo, tập hợp minh chứng chuyên ngành KTĐN	Khoa KTQT	TTKTĐBCL	Báo, danh mục minh chứng	15/1/2020	
23	Viết báo cáo, tập hợp minh chứng chuyên ngành QTKD	Khoa QTKD	TTKTĐBCL	Báo, danh mục minh chứng	15/1/2020	
24	Góp ý, chỉnh sửa báo cáo	Khoa KTPT, QTKD, KTQT	TTKTĐBCL	Báo, danh mục minh chứng final (edit 1)	17/1/2020	

PHỤ LỤC 2: PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Kèm theo Quyết định số 192/QĐ-HVCSPT ngày 27 tháng 12 năm 2019)

STT	Nội dung công việc	Điều phối		Thực hiện		Thời hạn	Tên nhóm
		Lãnh đạo	Chuyên viên	Trưởng nhóm	Thành viên		
1	Bản mô tả chương trình đào tạo 2016, 2018	Đ/c Đông	Đ/c Hiếu	Đ/c Luận, Vân, Đoàn	Các đ/c: Hiền QTKD, Mai KHPT, Thơ QLĐT, Liên KTQT	27/12/2019	Khoa kiểm định
2	Rà soát chốt minh chứng của các tiêu chuẩn, tiêu chí từ 1-4, phân về nhóm, đơn vị thực hiện bổ sung	Đ/c Đông	Đ/c Hiếu	Đ/c Đoàn	Các đ/c: Luận, Hiền QTKD, Vân, Tùng, Trang, Liên KTQT, Nga, Mai KTPT	29/12/2019	Khoa KTPT
3	Rà soát chốt minh chứng của các tiêu chuẩn, tiêu chí từ 5-8, phân về nhóm, đơn vị thực hiện bổ sung	Đ/c Vân	Đ/c Minh	Đ/c Hoà	Các đ/c: Thương, Trang, Hiền QTKD, Quyên, Dung, Thuần, Tùng KTQT, Hùng, Phương, Đoàn KTPT	29/12/2019	Khoa QTDN
4	Rà soát chốt minh chứng của các tiêu chuẩn, tiêu chí từ 9-11, phân về nhóm, đơn vị thực hiện bổ sung	PGĐ Vinh	Đ/c Đại	Đ/c Quyên	Các đ/c: Thuần, Liên, Dung, KTQT, Trang, Thành QTKD, Mai, Đỗ, Nga KTPT	29/12/2019	Khoa KTQT
5	So sánh các chương trình đào tạo các năm 2014, 2016, 2018	Đ/c Đông	Đ/c Hiếu	Đ/c Luận, Vân, Đoàn	Các đ/c: Hiền QTKD, Mai KHPT, Thơ QLĐT, Liên KTQT	03/1/2020	Khoa kiểm định
6	So sánh bản mô tả chương trình đào tạo các năm 2016, 2018	Đ/c Đông	Đ/c Hiếu	Đ/c Luận, Vân, Đoàn	Các đ/c: Hiền QTKD, Mai KHPT, Thơ QLĐT, Liên KTQT	03/1/2020	Khoa kiểm định
7	Tập hợp, khởi tạo các minh chứng liên quan đến khảo sát (Thiết kế phiếu, tổ chức thu thập thông tin, xử lý dữ liệu, ra báo cáo khảo sát)	PGĐ Vinh	Đ/c Đại	Đ/c Luận	Các đ/c: Tú, Lan (BM Toán); Thành QTKD, Trang, Thuần, Liên KTQT, Mai, Đỗ KTPT, Vọng, Nga Triết, Minh, Thanh TC-ĐT,	8/1/2020	Nhóm Khảo sát
8	Tập hợp, khởi tạo các minh chứng liên quan đến quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên....	Đ/c Vân	Đ/c Minh	Đ/c Trường	Các đ/c: Hoà, Thương, Trang (QTKD), Đỗ Anh, Mai Hoa (TC-TT); Tùng, Quyên, Dung (KTQT), Đoàn, Phương, Hùng	8/1/2020	Nhóm nhân sự

					(KTPT), Tuyết, Phương (Luật), Ngà, Tiến Thành (TCHC)		
9	Tập hợp, khởi tạo các minh chứng liên quan đến hỗ trợ người học (CVHT, Công tác SV, ...)	PGĐ Vinh	Đ/c Đại	Đ/c Tiến Hùng	Các đ/c: Thương, Trang, Hiền (QTKD), Huyền NN, Vịnh, Bình, Phúc (QLĐT), Thuấn, Dung, Ngân (KTQT); Đoàn, Mai, Nga (KTPT), Dương CTSV, Ngà (TCHC), Tú, Diệu, Sơn (TTCNTT Thu viên)	8/1/2020	Nhóm hỗ trợ người học
10	Tập hợp, khởi tạo các minh chứng liên quan đến quy định, quy chế	PGĐ Vinh	Đ/c Đại	Đ/c Vân (Khảo thí)	Các đ/c: Vọng (CTSV); Quân, Thành, Thoan, Trường (TCHC); Vịnh, Phúc, Bình, Thơ, Minh (QLĐT); Luận, Thương, Thành (QTKD) Thuấn, Hà Triết, Hoài, Hà Anh (KHHT) Thuấn (KTQT), Sơn (KTPT), Diệu	8/1/2020	Nhóm Quy chế
11	Tập hợp, khởi tạo các minh chứng liên quan đến NCKH	Đ/c Vân	Đ/c Minh	Đ/c Hoài	Các đ/c: Khoa, Hạnh, Hà Anh (KHHT), Trang, Lan Anh, Thương (QTKD) Dung, Quyên (KTQT), Nga, Đô (KTPT)	8/1/2020	Nhóm NCKH
12	Tập hợp, khởi tạo các minh chứng liên cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện	Đ/c Vân	Đ/c Minh	Đ/c Vọng	Các đ/c: Diệu, Phương (TTCNTT), Trang, Thành (QTKD), Lan Anh, Nghĩa TCHC, Bùi Tuấn, Lương Đức Anh, Liên, Đạt, Mai KTPT, Hoa y tế	8/1/2020	Nhóm CSVC
13	Tập hợp, khởi tạo các minh chứng liên quan sinh hoạt khoa học tại các bộ môn	Đ/c Đông	Đ/c Hiếu	Trưởng các khoa/Bộ Môn	Các đ/c: Minh, Thơ, Bình, Vịnh (QLĐT), Hiền QTKD, Thuận Triết, Dung KTQT, Ngân, Linh, Mai, Phương KTPT, Sơn, Ninh, GV các Khoa/bộ môn thuộc HV	8/1/2020	Nhóm Bộ Môn
14	Tập hợp, khởi tạo các minh chứng liên quan đến	PGĐ Vinh	Đ/c Đại	Đ/c Thế Hùng	Các đ/c: Bình, Vinh, Phúc, Quỳnh, Thơ, Minh (QLĐT), Hoà, Thương, Trang, Đỗ Anh QTKD,	10/1/2020	Nhóm Đào tạo

					Vân, Thuấn, Quyên, Ngân, Trang, Tùng QTKD, Đoàn, Nga, Mai Sơn KTPT		
15	Tập hợp, khởi tạo các minh chứng liên quan đến công tác quản lý sinh viên tại khoa chuyên ngành	Đ/c Đông	Đ/c Hiếu	Đ/c Luận, Vân, Đoàn	Các đ/c: Vịnh, Bình, Phúc QLĐT; Vọng, Thương, Đỗ Anh, Huyền NN (QTKD); Quyên, Ngân, Liên (KTQT) Nga, Sơn, Ninh, Mai Hoa	8/1/2020	Nhóm QLSV
16	Viết phần tổng quan của báo cáo (mở đầu, giới thiệu về Học viện, về khoa	Đ/c Đông	Đ/c Hiếu	Đ/c Đoàn	Đ/c Vân, Đ/c Luận	13/1/2020	Khoa Kiểm định
17	Viết phụ lục 8	Đ/c Vân	Đ/c Minh	Đ/c Vân	Các đ/c: Ngân, Luận, Thương, Huyền, Trang, Đoàn	13/1/2020	Khoa Kiểm định
18	Viết báo cáo, tập hợp minh chứng theo tiêu chuẩn, tiêu chí từ 1-4	Đ/c Đông	Đ/c Hiếu	Đ/c Đoàn	Các đ/c: Luận, Hiền QTKD, Vân, Tùng, Trang, Liên KTQT, Nga KTPT	13/1/2020	Khoa Kiểm định
19	Viết báo cáo, tập hợp minh chứng theo tiêu chuẩn, tiêu chí từ 5-8	Đ/c Vân	Đ/c Minh	Đ/c Hoà	Thương, trang, Hiền QTKD, Quyên, Dung, Thuấn, A Tùng KTQT, Hùng, Phương, A Đoàn KTPT	13/1/2020	Khoa Kiểm định
20	Viết báo cáo, tập hợp minh chứng theo tiêu chuẩn, tiêu chí từ 9-11	PGĐ Vinh	Đ/c Đại	Đ/c Quyên	Thuấn, Liên, Dung, KTQT, Trang, Thành QTKD, Mai, Đô, Nga KTPT	13/1/2020	Khoa Kiểm định
21	Viết báo cáo, tập hợp minh chứng chuyên ngành KHPT	Đ/c Đông	Đ/c Hiếu	Đ/c Đoàn	Tất cả giảng viên phụ trách các tiêu chí khoa KTPT	15/1/2020	Khoa Kiểm định
22	Viết báo cáo, tập hợp minh chứng chuyên ngành KTĐN	PGĐ Vinh	Đ/c Đại	Đ/c Vân	Tất cả giảng viên phụ trách các tiêu chí khoa KTQT	15/1/2020	Khoa Kiểm định
23	Viết báo cáo, tập hợp minh chứng chuyên ngành QTKD	Đ/c Vân	Đ/c Minh	Đ/c Luận	Tất cả giảng viên phụ trách các tiêu chí khoa QTKD	15/1/2020	Khoa Kiểm định
24	Góp ý, chỉnh sửa báo cáo	PGĐ Vinh, Đ/c Vân, Đông	Đ/c Minh, Hiếu, Đại	Đ/c: Đoàn, Vân, Luận	Tất cả giảng viên phụ trách các tiêu chí	17/1/2020	Khoa Kiểm định

PHỤ LỤC 3: DANH MỤC MINH CHỨNG

(Kèm theo Quyết định số 1192/QĐ-HVCSPT ngày 30 tháng 12 năm 2019)

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
1	5.3	Biên bản rút bài và chấm phúc khảo bài thi học phần học	2014 -2019	Nhóm Quy chế
2	5.3	Các Quyết định của Học viện V/v Thành lập Ban thanh tra thi kết thúc học phần DH hệ chính quy theo từng năm học	2014 -2019	Nhóm Quy chế
3	5.3	Các Quyết định của Học viện v/v thành lập Hội đồng in sao đề thi kết thúc học phần hàng năm	2014 -2019	Nhóm Quy chế
4	1.2	Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố Chuẩn đầu ra ngành đào tạo	22/4/2010	Nhóm Quy chế
5	1.3	Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố Chuẩn đầu ra ngành đào tạo	22/4/2010	Nhóm Quy chế
6	10.2	Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo		Nhóm quy chế
7	5.2	Kế hoạch xây dựng ngân hàng đề thi học phần	2014 -2019	Nhóm Quy chế
8	10.3	Kế hoạch xây dựng ngân hàng đề thi học phần	2014-2019	Nhóm Quy chế
9	1.1	Luật số 08/2012/QH13, Luật giáo dục đại học	18/6/2012	Nhóm Quy chế
10	4.1	Luật số 08/2012/QH13, Luật giáo dục đại học	18/6/2012	Nhóm Quy chế
11	1.1	Luật số 38/2005/QH11, Luật giáo dục	14/6/2005	Nhóm Quy chế
12	4.1	Luật số 38/2005/QH11, Luật giáo dục	14/6/2005	Nhóm Quy chế
13	5.3	Phiếu khảo sát đánh giá chất lượng cán bộ TTKT&ĐBCL	2015, 2018	Nhóm Quy chế
14	11.5	Phiếu khảo sát đánh giá chất lượng cán bộ TTKT&ĐBCL	2015, 2018	Nhóm Quy chế
15	11.4	Quy chế chi tiêu nội bộ các năm	2014-2019	Nhóm quy chế
16	10.3	Quy định (Quy trình) về đánh giá giảng viên online (đã có)	2014-2019	Nhóm Quy chế
17	10.3	Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Học viện CSPT	2014-2019	Nhóm Quy chế
18	5.1	Quy định về thi, kiểm tra/đánh giá tại Học viện	2014 - 2019	Nhóm Quy chế
19	5.2	Quy định về thi, kiểm tra/đánh giá tại Học viện	2014 -2019	Nhóm Quy chế
20	5.3	Quy định về thi, kiểm tra/đánh giá tại Học viện	2014 -2019	Nhóm Quy chế
21	5.4	Quy định về thi, kiểm tra/đánh giá tại Học viện	2014 -2019	Nhóm Quy chế
22	5.5	Quy định về thi, kiểm tra/đánh giá tại Học viện	2014 -2019	Nhóm Quy chế
23	10.3	Quy định về thi, kiểm tra/đánh giá tại Học viện	2014 - 2018	Nhóm Quy chế

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
24	5.4	Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng tại HVCSPT	2015, 2018	Nhóm Quy chế
25	11.5	Quy định về khảo sát ý kiến của các bên liên quan đối với chất lượng tại HVCSPT	2015, 2018	Nhóm Quy chế
26	5.1	Quy định xây dựng ngân hàng đề thi học phần	2014 - 2019	Nhóm Quy chế
27	5.2	Quy định xây dựng ngân hàng đề thi học phần	2014 -2019	Nhóm Quy chế
28	10.3	Quy định xây dựng ngân hàng đề thi học phần	2014-2019	Nhóm Quy chế
29	5.3	Quy trình làm phách lên điểm	2014 -2019	Nhóm Quy chế
30	5.1	Quy trình tổ chức đánh giá, thủ tục khiếu nại/phúc khảo.	2014 - 2019	Nhóm Quy chế
31	5.3	Quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi	2014 -2019	Nhóm Quy chế
32	10.5	Quyết định thành lập/giao nhiệm vụ bộ phận chuyên trách khảo sát, tiếp nhận thông tin phản hồi của các bên liên quan	2014-2019	Nhóm Quy chế
33	11.5	Quyết định thành lập/giao nhiệm vụ bộ phận chuyên trách khảo sát, tiếp nhận thông tin phản hồi của các bên liên quan		Nhóm Quy chế
34	1.1	Quyết định V/v công bố “Sứ mạng, tầm nhìn của Học viện CSPT”	Số 766/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Nhóm Quy chế
35	1.2	Quyết định V/v công bố “Sứ mạng, tầm nhìn của Học viện CSPT”	Số 766/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Nhóm Quy chế
36	4.1	Quyết định V/v công bố “Sứ mạng, tầm nhìn của Học viện CSPT”	Số 766/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016	Nhóm Quy chế
37	1.1	Quyết định V/v phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện CSPT giai đoạn 2011 – 2015, tầm nhìn 2020 (Bổ sung triết lý giáo dục)	Số 361/QĐ-HVCS&PT ngày 06/6/2011	Nhóm Quy chế
38	4.1	Quyết định V/v phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện CSPT giai đoạn 2011 – 2015, tầm nhìn 2020 (Bổ sung triết lý giáo dục)	Số 361/QĐ-HVCS&PT ngày 06/6/2011	Nhóm Quy chế
39	1.1	Quyết định V/v phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện CSPT giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030. (Bổ sung triết lý giáo dục)	Số 15/QĐ-HVCSPT ngày 10/01/ 2016	Nhóm Quy chế
40	4.1	Quyết định V/v phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện CSPT giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030. (Bổ sung triết lý giáo dục)	Số 15/QĐ-HVCSPT ngày 10/01/ 2016	Nhóm Quy chế
41	11.5	Quyết định về cải tiến chất lượng CTĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng dựa trên kết quả đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan	2015, 2018	Nhóm Quy chế
42		Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành KTQT, chuyên ngành KTDN		Nhóm quy chế

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
43	10.6	Quyết định về việc thành lập Khoa KTQT		Nhóm Quy chế
44	10.1	Quyết định về việc thành lập Phòng QLĐT		Nhóm Quy chế
45	10.6	Quyết định về việc thành lập Phòng QLĐT		Nhóm Quy chế
46	10.1	Quyết định về việc thành lập Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng		Nhóm Quy chế
47	10.6	Quyết định về việc thành lập Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng		Nhóm Quy chế
48	11.5	Quyết định về việc thành lập Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng		Nhóm Quy chế
49	10.4	Báo cáo Đề tài NCKH cấp cơ sở “Giải pháp hoàn thiện nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế đối ngoại nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập KTQT”	2014-2019	Nhóm NCKH
50	4.2	Báo cáo NCKH hàng năm của giảng viên, sinh viên	2015, 2018	Nhóm NCKH
51	4.3	Báo cáo NCKH hàng năm của giảng viên, sinh viên	2014-2019	Nhóm NCKH
52	10.4	Báo cáo tổng kết công tác NCKH giảng viên	2014-2019	Nhóm NCKH
53	10.4	Báo cáo tổng kết công tác NCKH sinh viên	2014-2019	Nhóm NCKH
54	11.4	Báo cáo tổng kết công tác NCKH sinh viên	2014-2019	Nhóm NCKH
55	10.4	Danh sách đề tài NCKH giảng viên	2014-2019	Nhóm NCKH
56	4.2	Danh sách đề tài NCKH sinh viên	2015, 2018	Nhóm NCKH
57	4.3	Danh sách đề tài NCKH sinh viên	2014-2019	Nhóm NCKH
58	10.4	Danh sách đề tài NCKH sinh viên	2014-2019	Nhóm NCKH
59	11.4	Danh sách đề tài NCKH sinh viên	2014-2019	Nhóm NCKH
60	11.4	Danh sách khen thưởng sinh viên NCKH hàng năm	2014-2019	Nhóm NCKH
61	8.4	Danh sách sinh viên tham dự NCKH hàng năm	2014 - 2019	Nhóm NCKH
62	11.4	Kế hoạch chiến lược phát triển KHCN của Học viện		Nhóm NCKH
63	8.4	Kế hoạch, biên bản hội nghị, báo cáo tổng kết công tác NCKH hàng năm của sinh viên	2014 - 2019	Nhóm NCKH
64	10.4	Phiếu ý kiến phản biện, phiếu đánh giá xếp loại và biên bản nghiệm thu các đề tài NCKH cấp cơ sở	2014-2019	Nhóm NCKH
65	11.4	Quy định về NCKH của sinh viên	2014-2019	Nhóm NCKH
66	4.2	Quyết định phân công hướng dẫn sinh viên NCKH	2014-2019	Nhóm NCKH
67	11.4	Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH sinh viên	2014-2019	Nhóm NCKH
68	11.4	Thống kê sinh viên tham gia NCKH hàng năm	2014-2019	Nhóm NCKH
69	11.5	Bảng tổng hợp ý kiến của các bên liên quan về điều chỉnh CTĐT ngành KTQT, chuyên ngành KTDN	2015, 2018	Nhóm khảo sát

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
70	10.1	Bảng tổng hợp ý kiến của các bên liên quan về mức độ phù hợp CDR của CTĐT ngành KTQT, Chuyên ngành KTĐN	2015, 2018	Nhóm khảo sát
71	8.5	Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi chất lượng đào tạo từ phía sinh viên	2014 - 2019	Nhóm khảo sát
72	10.1	Báo cáo tổng hợp đóng góp ý kiến của các bên liên quan về thị trường lao động phục vụ điều chỉnh chương trình đào tạo ngành KTQT, chuyên ngành KTĐN	2015, 2018	Nhóm khảo sát
73		Báo cáo tổng hợp đóng góp ý kiến phục vụ điều chỉnh chương trình đào tạo ngành KTQT, chuyên ngành KTĐN	2015, 2018	Nhóm khảo sát
74	10.6	Báo cáo tổng hợp đóng góp ý kiến phục vụ điều chỉnh chương trình đào tạo Ngành KTQT, chuyên ngành KTĐN	2015, 2018	Nhóm khảo sát
75	10.1	Biên bản Hội thảo về xây dựng và phát triển CTDH	2015, 2018	Nhóm khảo sát
76	10.6	Các văn bản quy định/hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi		Nhóm khảo sát
77	9.3	Dữ liệu phản hồi của người học và các bên liên quan về phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị*.	2015, 2018	Nhóm khảo sát
78	8.4	Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học với Giảng viên/ Báo cáo ý kiến phản hồi của người học với GV	2015, 2019	Nhóm khảo sát
79	10.6	Phiếu điều tra việc làm của sinh viên tốt nghiệp và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên khi tốt nghiệp	2015, 2018	Nhóm khảo sát
80	11.3	Phiếu điều tra việc làm của sinh viên tốt nghiệp và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên khi tốt nghiệp	2014-2019	Nhóm khảo sát
81	11.5	Phiếu điều tra việc làm của sinh viên tốt nghiệp và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên khi tốt nghiệp	2015, 2018	Nhóm khảo sát
82	10.6	Phiếu khảo sát cựu sinh viên về Điều chỉnh Chương trình đào tạo	2015, 2018	Nhóm khảo sát
83	11.5	Phiếu khảo sát cựu sinh viên về Điều chỉnh Chương trình đào tạo		Nhóm khảo sát
84	11.5	Phiếu khảo sát cựu sinh viên về thị trường lao động	2015, 2018	Nhóm khảo sát
85	8.5	Phiếu khảo sát Người học hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường/khoa	2014 - 2019	Nhóm khảo sát
86	10.6	Phiếu khảo sát nhà tuyển dụng, các tổ chức xã hội nghề nghiệp	2015, 2018	Nhóm khảo sát
87	11.5	Phiếu khảo sát nhà tuyển dụng, các tổ chức xã hội nghề nghiệp		Nhóm khảo sát
88	8.4	Phiếu khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát đối với đơn vị sử dụng lao động về chất lượng cựu sinh viên đang làm việc tại đơn vị	2015, 2019	Nhóm khảo sát

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
89	10.6	Phiếu khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát đối với đơn vị sử dụng lao động về chất lượng cựu sinh viên đang làm việc tại đơn vị	2015, 2018	Nhóm khảo sát
90	11.5	Phiếu khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát đối với đơn vị sử dụng lao động về chất lượng cựu sinh viên đang làm việc tại đơn vị	2015, 2018	Nhóm khảo sát
91	10.6	Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về công tác giảng dạy của giảng viên	2015, 2018	Nhóm khảo sát
92	5.3	Phiếu khảo sát, Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	2015, 2018	Nhóm khảo sát
93	5.5	Phiếu khảo sát, Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về việc được phổ biến đầy đủ các quy định về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khoá học	2015, 2018	Nhóm khảo sát
94	9.4	Phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát (người học, CBGV), báo cáo về mức độ đáp ứng nhu cầu của hệ thống công nghệ thông tin	2015, 2018	Nhóm khảo sát
95	9.2	Phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát của người học, cán bộ, giảng viên về các nguồn học liệu và chất lượng phục vụ của thư viện	2015, 2018	Nhóm khảo sát
96	4.2	Phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về công tác giảng dạy của giảng viên	2015, 2018	Nhóm khảo sát
97	11.5	Phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học, giảng viên về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên.	2015, 2018	Nhóm khảo sát
98	10.5	Phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng với việc phục vụ và đáp ứng của thư viện đối với bạn đọc	2015, 2018	Nhóm khảo sát
99	10.6	Phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng với việc phục vụ và đáp ứng của thư viện đối với bạn đọc	2015, 2018	Nhóm khảo sát
100	10.5	Phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về bộ phận hỗ trợ	2015, 2018	Nhóm khảo sát
101	10.6	Phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát về bộ phận hỗ trợ	2015, 2018	Nhóm khảo sát
102	1.3	Phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát, báo cáo khảo sát các bên liên quan về mức độ phù hợp CDR của CTĐT ngành Kinh tế, Chuyên ngành KHPT	2015, 2018	Nhóm khảo sát

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
103	3.1	Phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát, báo cáo khảo sát các bên liên quan về thị trường lao động phục vụ điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015, 2018	Nhóm khảo sát
104	3.2	Phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát, báo cáo khảo sát các bên liên quan về thị trường lao động phục vụ điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015, 2018	Nhóm khảo sát
105	2.3	Phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát, báo cáo khảo sát các bên liên quan về việc có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương học phần	2015, 2018	Nhóm khảo sát
106	10.1	Phiếu khảo sát/dữ liệu khảo sát/báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH	2015, 2018	Nhóm khảo sát
107	10.2	Phiếu khảo sát/dữ liệu khảo sát/báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH	2015, 2018	Nhóm khảo sát
108	1.1	Phiếu khảo, dữ liệu khảo sát, báo cáo khảo sát các bên liên quan về thị trường lao động phục vụ điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015, 2018	Nhóm khảo sát
109	1.2	Phiếu khảo, dữ liệu khảo sát, báo cáo khảo sát các bên liên quan về thị trường lao động phục vụ điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2014- 2018	Nhóm khảo sát
110	4.3	Ý kiến phản hồi của các bên liên quan (ý kiến của người tốt nghiệp, nhà sử dụng lao động về hiệu quả/chất lượng công việc đặc biệt là khả năng tự nghiên cứu, sáng tạo để tiếp cận công nghệ/dây chuyền sản xuất mới)*	2015, 2018	Nhóm khảo sát
111	5.3	Ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khóa, Báo cáo kết quả khảo sát về công tác đánh giá kết quả người học ngành QTKD, chuyên ngành QTDN	2015, 2018	Nhóm khảo sát
112	5.4	Ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khóa, Báo cáo kết quả khảo sát về công tác đánh giá kết quả người học ngành QTKD, chuyên ngành QTDN	2015, 2018	Nhóm khảo sát
113	5.1	Ý kiến phản hồi của sinh viên về phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học	2015, 2018	Nhóm khảo sát
114	5.2	Ý kiến phản hồi của sinh viên về việc hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học.	2015, 2018	Nhóm khảo sát
115	4.3	Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về công tác giảng dạy của giảng viên	2015, 2018	Nhóm hỗ trợ người học
116	8.4	Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên các năm	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
117	5.3	Báo cáo tổng kết năm học của Học viện		Nhóm hỗ trợ người học
118	11.3	Báo cáo tổng kết tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ có việc làm, thu nhập bình quân của sinh viên	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
119	8.3	Báo cáo tổng kết, sơ kết hàng năm cấp khoa	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
120	10.1	Biên bản Đối thoại sinh viên	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
121	10.5	Biên bản Đối thoại SV	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
122	4.1	Biên bản hội nghị cán bộ công nhân viên chức	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
123	11.1	Biên bản họp Ban CVHT	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
124	5.5	Biên bản họp CVHT với sinh viên đầu khoá học	2014 -2019	Nhóm hỗ trợ người học
125	11.2	Biên bản họp khoa về tìm hiểu, phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn để đề xuất các biện pháp hỗ trợ người học giảm tối đa thời lượng học tập	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
126	8.5	Biên bản kiểm tra/nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường/an toàn vệ sinh thực phẩm	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
127	8.5	Các bảng/biên phổ biến nội quy/quy tắc ứng xử tại Học viện	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
128	8.4	Các quyết định thành lập ban liên lạc Cựu sinh viên	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
129	11.3	Các quyết định thành lập ban liên lạc Cựu sinh viên	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
130	8.3	Kế hoạch + Biên bản + Kết quả xét điểm rèn luyện các kỳ	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
131	8.3	Kế hoạch gặp mặt sinh viên ngành QTKD, chuyên ngành QTDN	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
132	8.5	Kế hoạch khám sức khỏe cho sinh viên hàng năm	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
133	8.3	Kế hoạch sinh hoạt chính trị đầu năm	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
134	8.3	Kế hoạch sinh hoạt chính trị đầu năm	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
135	8.4	Kế hoạch tổ chức các hoạt động của Đoàn thanh niên	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
136	8.4	Kế hoạch tổ chức các hoạt động của Đoàn thanh niên	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
137	8.4	Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm hàng năm	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
138	11.3	Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm hàng năm	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
139	5.5	Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân HSSV	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
140	4.1	Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân của trường	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
141	5.5	Kế hoạch và biên bản tổ chức hội nghị đối thoại sinh viên ngành QTKD, chuyên ngành QTDN	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
142	8.3	Kết quả điểm rèn luyện sinh viên của Khoa các khoá	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
143	10.1	KH Đối thoại sinh viên	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
144	4.1	KH tổ chức ngày hội việc làm	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
145	10.3	Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về công tác giảng dạy của giảng viên	2015, 2018	Nhóm hỗ trợ người học
146	5.5	QĐ Giao nhiệm vụ CVHT	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
147	11.1	QĐ Giao nhiệm vụ CVHT	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
148	11.2	QĐ Giao nhiệm vụ CVHT	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
149	8.3	Quy chế xếp loại đánh giá điểm rèn luyện	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
150		Quy định về chức năng nhiệm vụ của CVHT	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
151	8.4	Quy định về công tác học sinh, sinh viên	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
152	8.4	Quy định về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
153	5.5	Quy trình khiếu nại kết quả học tập tại Học viện	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
154	11.1	Quy trình thực hiện giám sát tỉ lệ thôi học	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
155	11.1	Quy trình thực hiện giám sát tỉ lệ tốt nghiệp	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
156	11.3	Quy trình thực hiện hỗ trợ người tốt nghiệp chưa có việc làm	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
157	11.1	Quy trình xét công nhận tốt nghiệp	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
158	11.1	Quyết định giao nhiệm vụ bộ phận chuyên trách giám sát tỉ lệ thôi học	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
159	11.1	Quyết định giao nhiệm vụ bộ phận chuyên trách giám sát tỉ lệ tốt nghiệp	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
160	11.3	Quyết định thành lập bộ phận chuyên trách theo dõi, liên hệ với người tốt nghiệp	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
161	4.3	Quyết định thành lập các câu lạc bộ (Tiếng Anh...), báo cáo hoạt động của các CLB	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
162	8.4	Quyết định thành lập các câu lạc bộ sinh viên	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
163	8.5	Quyết định thành lập các câu lạc bộ sinh viên	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
164	4.1	Sổ tay giảng viên	2015, 2018	Nhóm hỗ trợ người học
165	10.3	Sổ tay giảng viên	2015, 2018	Nhóm hỗ trợ người học

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
166	1.3	Sổ tay sinh viên	2015, 2018	Nhóm hỗ trợ người học
167	3.2	Sổ tay sinh viên	2015, 2018	Nhóm hỗ trợ người học
168	4.1	Sổ tay sinh viên	2015, 2018	Nhóm hỗ trợ người học
169	5.1	Sổ tay sinh viên	2015, 2018	Nhóm hỗ trợ người học
170	5.2	Sổ tay sinh viên	2015, 2018	Nhóm hỗ trợ người học
171	5.3	Sổ tay sinh viên	2015, 2018	Nhóm hỗ trợ người học
172	5.4	Sổ tay sinh viên	2015, 2018	Nhóm hỗ trợ người học
173	5.5	Sổ tay sinh viên	2015, 2018	Nhóm hỗ trợ người học
174	8.4	Sổ tay sinh viên	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
175	10.3	Sổ tay sinh viên	2015, 2018	Nhóm hỗ trợ người học
176	11.2	Sổ tay sinh viên	2014-2019	Nhóm hỗ trợ người học
177	5.5	Sổ theo dõi việc khiếu nại về kết quả học tập của người học	2014 -2019	Nhóm hỗ trợ người học
178	4.1	Tờ rơi quảng cáo về trường	2015, 2018	Nhóm hỗ trợ người học
179	5.4	Trang thông dữ liệu về kết quả học tập của người học: http://www.tinchi.apd.edu.vn		Nhóm hỗ trợ người học
180	3.3	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo	2015, 2018	Nhóm hỗ trợ người học
181	1.3	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo http://qldt.apd.edu.vn ; Tinchi.apd.edu.vn	2015, 2018	Nhóm hỗ trợ người học
182	3.3	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo http://qldt.apd.edu.vn ; Tinchi.apd.edu.vn		Nhóm hỗ trợ người học
183	4.2	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo http://qldt.apd.edu.vn ; Tinchi.apd.edu.vn		Nhóm hỗ trợ người học
184	1.3	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo, mô tả CTĐT	2015, 2018	Nhóm hỗ trợ người học
185	8.3	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo, theo dõi kết quả học tập: http://qldt.apd.edu.vn ; Tinchi.apd.edu.vn		Nhóm hỗ trợ người học
186	5.1	Trang thông tin về đề cương học phần tại địa chỉ: www.decuongmonhoc.apd.edu.vn	2015, 2018	Nhóm hỗ trợ người học
187	5.2	Trang thông tin về đề cương học phần tại địa chỉ: www.decuongmonhoc.apd.edu.vn		Nhóm hỗ trợ người học
188	2.1	Website Học viện: www.apd.edu.vn		Nhóm hỗ trợ người học
189	1.2	Website Học viện: www.apd.edu.vn		Nhóm hỗ trợ người học
190	2.1	Website Học viện: www.apd.edu.vn		Nhóm hỗ trợ người học

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
191	4.1	Website Học viện: www.apd.edu.vn	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
192	5.1	Website Học viện: www.apd.edu.vn		Nhóm hỗ trợ người học
193	5.2	Website Học viện: www.apd.edu.vn		Nhóm hỗ trợ người học
194	5.3	Website Học viện: www.apd.edu.vn		Nhóm hỗ trợ người học
195	5.4	Website Học viện: www.apd.edu.vn		Nhóm hỗ trợ người học
196	5.5	Website Học viện: www.apd.edu.vn	2014 -2019	Nhóm hỗ trợ người học
197	8.1	Website Học viện: www.apd.edu.vn	2014 - 2019	Nhóm hỗ trợ người học
198	2.3	Sổ tay giảng viên	2015, 2018	Nhóm hỗ trợ người học
199	2.3	Sổ tay sinh viên	2015, 2018	Nhóm hỗ trợ người học
200	2.3	Website Học viện: www.apd.edu.vn		Nhóm hỗ trợ người học
201	3.1	Website Học viện: www.apd.edu.vn		Nhóm hỗ trợ người học
202	10.1	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành KTQT, chuyên ngành KTDN	2015	Khoa KTQT
203	10.1	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành KTQT, chuyên ngành KTDN	2018	Khoa KTQT
204	8.3	Bảng điểm học phần các năm	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
205	8.2	Báo cáo hậu kiểm thí sinh trúng tuyển nhập học các năm	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
206	8.2	Báo cáo tổng kê về tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
207	4.3	Báo cáo tổng kết công tác kiến tập hàng năm	2014-2019	Nhóm Đào tạo
208	4.3	Báo cáo tổng kết công tác thực tập hàng năm	2014-2019	Nhóm Đào tạo
209	8.1	Biên bản hội thảo về phương hướng tuyển sinh hàng năm	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
210	5.4	Biên bản họp CVHT với sinh viên hàng năm	2014 -2019	Nhóm Đào tạo
211	8.3	Biên bản họp CVHT với sinh viên hàng năm	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
212	1.3	Biên bản họp đánh giá kết quả chuẩn đầu ra của sinh viên	2018	Nhóm Đào tạo
213	4.2	Biên bản họp đánh giá kết quả chuẩn đầu ra của sinh viên K5, K6 cấp Học viện	2014-2019	Nhóm Đào tạo
214	1.1	Biên bản họp hội đồng KHĐT	2015, 2018	Nhóm Đào tạo
215	1.2	Biên bản họp hội đồng KHĐT	2016, 2018	Nhóm Đào tạo
216	2.2	Biên bản họp hội đồng KHĐT	2015, 2018	Nhóm Đào tạo
217	10.1	Biên bản họp Hội đồng KHĐT	2015, 2018	Nhóm Đào tạo
218		Biên bản họp Hội đồng KHĐT	2015, 2018	Nhóm Đào tạo
219	10.6	Biên bản họp Hội đồng KHĐT	2015, 2018	Nhóm Đào tạo
220	1.3	Biên bản họp hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cấp HV hàng năm	2015, 2018	Nhóm Đào tạo
221	11.1	Biên bản họp khoa về tình hình sinh viên nghỉ học	2014-2019	Nhóm Đào tạo

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
222	8.1	Biên bản họp về chính sách tuyển sinh hàng năm cấp Học viện	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
223	11.2	Biên bản toạ đàm tổ chức đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp	2014-2019	Nhóm Đào tạo
224	1.1	Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015	Nhóm Đào tạo
225	1.1	Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Nhóm Đào tạo
226	1.2	Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2014	Nhóm Đào tạo
227	1.2	Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2016	Nhóm Đào tạo
228	1.2	Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Nhóm Đào tạo
229		Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015	Nhóm Đào tạo
230		Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Nhóm Đào tạo
231	2.2	Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015	Nhóm Đào tạo
232	2.2	Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Nhóm Đào tạo
233	2.3	Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015	Nhóm Đào tạo
234	2.3	Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Nhóm Đào tạo
235	3.1	Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015	Nhóm Đào tạo
236	3.1	Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Nhóm Đào tạo
237	3.2	Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015	Nhóm Đào tạo
238	3.2	Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Nhóm Đào tạo
239	3.3	Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015	Nhóm Đào tạo
240	3.3	Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Nhóm Đào tạo
241	4.1	Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015	Nhóm Đào tạo
242	4.1	Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Nhóm Đào tạo
243		Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015	Nhóm Đào tạo
244		Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Nhóm Đào tạo
245		Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015	Nhóm Đào tạo
246		Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Nhóm Đào tạo
247	10.1	Chương trình đào tạo Ngành KTQT, chuyên ngành KTDN	2015	Nhóm Đào tạo
248	10.1	Chương trình đào tạo Ngành KTQT, chuyên ngành KTDN	2018	Nhóm Đào tạo
249	10.6	Chương trình đào tạo Ngành KTQT, chuyên ngành KTDN	2015	Nhóm Đào tạo
250	10.6	Chương trình đào tạo Ngành KTQT, chuyên ngành KTDN	2018	Nhóm Đào tạo
251	5.3	Chương trình đào tạo Ngành QTKD, chuyên ngành QTDN	2015	Nhóm Đào tạo
252	5.3	Chương trình đào tạo Ngành QTKD, chuyên ngành QTDN	2018	Nhóm Đào tạo

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
253		Chương trình đào tạo Ngành QTKD, chuyên ngành QTDN	2015	Nhóm Đào tạo
254		Chương trình đào tạo Ngành QTKD, chuyên ngành QTDN	2018	Nhóm Đào tạo
255	10.4	Danh sách giáo trình, tài liệu xuất bản của Học viện	2014-2019	Nhóm Đào tạo
256	8.1	Danh sách sinh viên trúng tuyển hàng năm	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
257	8.1	Đề án tuyển sinh các năm	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
258	8.2	Đề án tuyển sinh các năm	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
259	5.1	Hồ sơ tuyển sinh hàng năm	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
260	5.2	Hồ sơ tuyển sinh hàng năm	2014 -2019	Nhóm Đào tạo
261	10.3	Hướng dẫn rà soát, đánh giá quá trình dạy và học	2014 - 2018	Nhóm Đào tạo
262	8.4	Hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý đào tạo	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
263	5.1	Hướng dẫn tổ chức chấm khoá luận tốt nghiệp	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
264	5.2	Hướng dẫn tổ chức chấm khoá luận tốt nghiệp	2014 -2019	Nhóm Đào tạo
265	5.1	Hướng dẫn tổ chức triển khai học phần chuyên đề thực tế	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
266	5.2	Hướng dẫn tổ chức triển khai học phần chuyên đề thực tế	2014 -2019	Nhóm Đào tạo
267	8.4	Hướng dẫn tổ chức triển khai học phần chuyên đề thực tế	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
268	3.3	Hướng dẫn xây dựng mô tả chương trình đào tạo của Học viện	2015	Nhóm Đào tạo
269	1.3	Kế hoạch đánh giá chuẩn đầu ra sinh viên tốt nghiệp	2015, 2018	Nhóm Đào tạo
270	5.1	Kế hoạch đánh giá chuẩn đầu ra sinh viên tốt nghiệp	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
271	3.1	Kế hoạch đánh giá chuẩn đầu ra trước khi sinh viên tốt nghiệp	2015, 2018	Nhóm Đào tạo
272	5.2	Kế hoạch giảng dạy hàng năm	2014 -2019	Nhóm Đào tạo
273	5.2	Kế hoạch thực tập, thi tốt nghiệp/khoá luận tốt nghiệp	2014 -2019	Nhóm Đào tạo
274	8.1	Kế hoạch tuyển sinh hàng năm	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
275	8.1	Kế hoạch xúc tiến tuyển sinh hàng năm	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
276	8.1	Phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát chính sách tuyển sinh	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
277	8.2	Phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học, cũng như chất lượng đào tạo.	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
278	1.3	QĐ công nhận tốt nghiệp hàng năm	2014-2018	Nhóm Đào tạo
279	11.1	QĐ công nhận tốt nghiệp hàng năm	2014-2019	Nhóm Đào tạo
280	11.1	QĐ danh sách sinh viên nghỉ học hàng năm	2014-2019	Nhóm Đào tạo
281	4.1	QĐ Giao nhiệm vụ CVHT	2014-2019	Nhóm Đào tạo
282	5.4	QĐ Giao nhiệm vụ CVHT	2014 -2019	Nhóm Đào tạo
283	8.3	QĐ Giao nhiệm vụ CVHT	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
284	8.4	QĐ Giao nhiệm vụ CVHT	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
285	11.1	QĐ Giao nhiệm vụ CVHT	2014-2019	Nhóm Đào tạo
286	8.1	Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
287	5.1	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện CSPT	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
288	5.2	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện CSPT	2014 -2019	Nhóm Đào tạo
289	5.3	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện CSPT	2014 -2019	Nhóm Đào tạo
290	5.4	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện CSPT	2014 -2019	Nhóm Đào tạo
291	5.5	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện CSPT	2014 -2019	Nhóm Đào tạo
292	8.3	Quy định đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện CSPT	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
293	8.4	Quy định về chức năng nhiệm vụ của CVHT	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
294	8.2	Quy định về quy trình xây dựng tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học		Nhóm Đào tạo
295	3.3	Quy định xây dựng chương trình đào tạo của Học viện	2018	Nhóm Đào tạo
296	5.1	Quy định/Hướng dẫn xây dựng đề cương học phần	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
297	5.2	Quy định/Hướng dẫn xây dựng đề cương học phần	2014 -2019	Nhóm Đào tạo
298	5.3	Quy định/Hướng dẫn xây dựng đề cương học phần	2014 -2019	Nhóm Đào tạo
299	10.2	Quy trình thiết kế và xây dựng CTĐT, CTDH		Nhóm Đào tạo
300	11.2	Quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp	2014-2019	Nhóm Đào tạo
301	8.3	Quy trình tổ chức tuyển sinh và quản lý sinh viên học cùng lúc hai chương trình		Nhóm Đào tạo
302	5.1	Quy trình tuyển sinh đại học hệ chính quy tại Học viện CSPT	2014	Nhóm Đào tạo
303	8.1	Quy trình tuyển sinh đại học hệ chính quy tại Học viện CSPT		Nhóm Đào tạo
304	8.2	Quy trình tuyển sinh đại học hệ chính quy tại Học viện CSPT		Nhóm Đào tạo
305	1.3	Quyết định công nhận CĐR Tiếng Anh, Tin học	2018, 2019	Nhóm Đào tạo
306	11.2	Quyết định giao nhiệm vụ bộ phận chuyên trách giám thời gian tốt nghiệp	2014-2019	Nhóm Đào tạo
307	4.2	Quyết định phân công hướng dẫn khoá luận	2014-2019	Nhóm Đào tạo
308	4.2	Quyết định phân công hướng dẫn kiến tập	2014-2019	Nhóm Đào tạo
309	4.2	Quyết định phân công hướng dẫn thực tập	2014-2019	Nhóm Đào tạo

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
310	1.3	Quyết định thành lập Hội đồng cấp Học viện, Hội đồng các khoa chuyên ngành, Hội đồng các học phần đại cương và Ban Thư ký Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển	2015, 2018	Nhóm Đào tạo
311	10.1	Quyết định thành lập Hội đồng cấp Học viện, Hội đồng các khoa chuyên ngành, Hội đồng các học phần đại cương và Ban Thư ký Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển	2015, 2018	Nhóm Đào tạo
312	10.2	Quyết định thành lập Hội đồng cấp Học viện, Hội đồng các khoa chuyên ngành, Hội đồng các học phần đại cương và Ban Thư ký Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển	2015, 2018	Nhóm Đào tạo
313	11.3	Quyết định thành lập Hội đồng cấp Học viện, Hội đồng các khoa chuyên ngành, Hội đồng các học phần đại cương và Ban Thư ký Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển	2015, 2018	Nhóm Đào tạo
314	1.2	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo đại học hệ chính quy của HVCSPT	số 834/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2015	Nhóm Đào tạo
315	1.2	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo đại học hệ chính quy của HVCSPT	2016	Nhóm Đào tạo
316	3.1	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo đại học hệ chính quy của HVCSPT	số 834/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2015	Nhóm Đào tạo
317	4.2	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo đại học hệ chính quy của HVCSPT	số 834/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2015	Nhóm Đào tạo
318	5.1	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo đại học hệ chính quy của HVCSPT	số 834/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2015	Nhóm Đào tạo
319	5.1	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo đại học hệ chính quy của HVCSPT	2016	Nhóm Đào tạo
320	10.2	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo đại học hệ chính quy của HVCSPT	số 834/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2015	Nhóm Đào tạo
321		Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo đại học hệ chính quy của HVCSPT	2016	Nhóm Đào tạo

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
322	11.1	Quyết thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp hàng năm	2014-2019	Nhóm Đào tạo
323	8.1	Thông báo điểm trúng tuyển hàng năm	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
324	8.1	Thông báo tuyển sinh hàng năm	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
325	8.1	Thông báo về việc giao chỉ tiêu, đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
326	11.1	Thông kê kết quả đăng ký học tập của sinh viên hàng năm	2014-2019	Nhóm Đào tạo
327	11.2	Thông kê kết quả đăng ký học tập của sinh viên hàng năm	2014-2019	Nhóm Đào tạo
328	1.1	Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	16/4/2015	Nhóm Đào tạo
329	3.3	Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	16/4/2015	Nhóm Đào tạo
330	8.1	Tờ rơi thông tin tuyển sinh hàng năm	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
331	4.2	Tổng kết công tác kiến tập của sinh viên	2014-2019	Nhóm Đào tạo
332	2.2	Trang thông tin về đề cương học phần tại địa chỉ: www.decuongmonhoc.apd.edu.vn		Nhóm Đào tạo
333	5.3	Trang web Học viện CS và PT: http://www.apd.edu.vn (Phần mềm quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ; Bảng tổng hợp điểm thi học phần của các lớp đào tạo theo học kì, năm học trên hệ thống online)	2014 -2019	Nhóm Đào tạo
334	3.1	Về việc thành lập Hội đồng cấp Học viện, Hội đồng các bộ môn về việc rà soát CDR của chương trình đào tạo	2015, 2018	Nhóm Đào tạo
335	2.2	Về việc thành lập Hội đồng cấp Học viện, Hội đồng các bộ môn về việc rà soát đề cương các các học phần trong chương trình đào tạo đại học	2015, 2018	Nhóm Đào tạo
336	10.1	Về việc thành lập Hội đồng cấp Học viện, Hội đồng các bộ môn về việc rà soát đề cương các các học phần trong chương trình đào tạo đại học	2015, 2018	Nhóm Đào tạo
337	11.3	Về việc thành lập Hội đồng cấp Học viện, Hội đồng các bộ môn về việc rà soát đề cương các các học phần trong chương trình đào tạo đại học	2015, 2018	Nhóm Đào tạo

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
338	1.1	Về việc thành lập Hội đồng cấp Học viện, Hội đồng các khoa chuyên ngành, Hội đồng các học phần đại cương và Ban Thư ký Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển	2016, 2018	Nhóm Đào tạo
339		Về việc thành lập Hội đồng cấp Học viện, Hội đồng các khoa chuyên ngành, Hội đồng các học phần đại cương và Ban Thư ký Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển	2015, 2018	Nhóm Đào tạo
340	3.3	Về việc thành lập Hội đồng cấp Học viện, Hội đồng các khoa chuyên ngành, Hội đồng các học phần đại cương và Ban Thư ký Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình đào tạo bậc đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển	2015, 2018	Nhóm Đào tạo
341	8.2	Website Học viện: www.apd.edu.vn	2014 - 2019	Nhóm Đào tạo
342	9.5	Kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho SV, CB, GV	2014 - 2019	Nhóm CSVC
343	8.5	Bảng thống kê diện tích phòng làm việc, giảng đường tại Nam An Khánh	2014 - 2019	Nhóm CSVC
344	8.5	Bảng thống kê diện tích phòng làm việc, giảng đường tại Trụ sở D25	2014 - 2019	Nhóm CSVC
345	4.2	Bảng thống kê tài sản tại các giảng đường, phòng học lớn, trang thiết bị	2014-2019	Nhóm CSVC
346	9.1	Biên bản bàn giao tầng 17.	Ngày 17/02/2017	Nhóm CSVC
347	9.3	Biên bản bàn giao tầng 17.	Ngày 17/02/2017	Nhóm CSVC
348	9.3	Biên bản kiểm kê tài sản của các đơn vị	2014 - 2019	Nhóm CSVC
349	9.3	Biên bản kiểm kê tài sản tại các giảng đường	2014 - 2019	Nhóm CSVC
350	9.4	Bộ công cụ đăng ký học trực tuyến: www.Tinchi.apd.edu.vn	Số 0000008, ngày 11/01/2013	Nhóm CSVC
351	9.5	Công văn đề nghị kiểm tra, cấp GCN huấn luyện NV PCCC	Số 494/VP-QT2 ngày 13/9/2016	Nhóm CSVC
352	9.5	Công văn đề nghị Sở CSPC&CC TP. Hà Nội phê duyệt phương án PC&CC	Số 592/VP-QT2 ngày 19/9/2014	Nhóm CSVC
353	9.5	Công văn đề nghị Sở CSPC&CC TP. Hà Nội phê duyệt phương án PC&CC	Số 669/VP-QT2 ngày 30/10/2014	Nhóm CSVC
354	9.5	Công văn về việc chấp thuận địa điểm dự kiến xây dựng trạm cấp gas của dự án “Hệ thống cấp gas trung tâm cho bếp ăn cơ sở nghiên cứu khoa học của Bộ KHĐT”.	Số 12/SCSPC&CC-P3 ngày 19/3/2014	Nhóm CSVC

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
355	4.2	Danh mục các phần mềm	2014-2019	Nhóm CSVC
356	9.3	Danh mục các trang thiết bị được lắp đặt trong các phòng làm việc.	2014 - 2019	Nhóm CSVC
357	9.3	Danh mục các trang thiết bị phục vụ hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao	2014 - 2019	Nhóm CSVC
358	9.3	Danh mục các trang thiết bị tại các giảng đường	2014 - 2019	Nhóm CSVC
359	9.2	Danh mục Hợp đồng sách, tạp chí	2014 - 2019	Nhóm CSVC
360	4.2	Danh mục tài liệu có trong thư viện, thống kê máy tính, báo tạp chí	2014-2019	Nhóm CSVC
361	4.2	Danh mục tài liệu số	2014-2019	Nhóm CSVC
362	9.4	Danh sách email dành cho cán bộ giảng viên và tài khoản wifi miễn phí	Năm 2012	Nhóm CSVC
363	9.5	Danh sách sinh viên tham gia bảo hiểm y tế	2014 - 2019	Nhóm CSVC
364	9.4	Danh sách Wifi cho cán bộ giảng viên và sinh viên		Nhóm CSVC
365	9.2	Giao diện trang Website thư viện	2014 - 2019	Nhóm CSVC
366	10.5	Hợp đồng cung cấp dịch vụ internet	2014-2019	Nhóm CSVC
367	9.5	Hợp đồng làm việc (nhân viên bảo vệ, vệ sinh)	2014 - 2019	Nhóm CSVC
368	9.4	Hợp đồng thuê đường truyền Internet	Số 22/17/11/16/014, ngày 16/11/2017	Nhóm CSVC
369	9.4	Hợp đồng thuê đường truyền Internet và danh sách Wifi cho cán bộ giảng viên và sinh viên	2014 - 2019	Nhóm CSVC
370	9.1	Hợp đồng thuê sân thể thao	2014 - 2018	Nhóm CSVC
371	9.3	Hợp đồng thuê sân thể thao	2014 - 2019	Nhóm CSVC
372	9.4	Hợp đồng xây dựng website		Nhóm CSVC
373	8.4	Hướng dẫn sử dụng các dịch vụ thư viện	2014 - 2019	Nhóm CSVC
374	9.5	Kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cho lực lượng bảo vệ	2014 - 2019	Nhóm CSVC
375	9.1	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Kết quả khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của phòng thực hành và các trang thiết bị	2014 - 2019	Nhóm CSVC
376	9.5	Lịch phân trực của Bảo vệ toà nhà D25	2014 - 2019	Nhóm CSVC
377	9.4	Phần mềm hiển thị lịch công tác tuần	Số 030314 – HĐKT, ngày 12/02/2014	Nhóm CSVC
378	9.4	Phần mềm Kav 2011		Nhóm CSVC
379	9.4	Phần mềm Kav VI		Nhóm CSVC
380	9.4	Phần mềm kế toán	Số 0000029, ngày 10/03/2012	Nhóm CSVC

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
381	9.4	Phần mềm quản lý đào tạo: http://qldt.apd.edu.vn ;	Số 0000129, ngày 27/11/2014	Nhóm CSVC
382	9.4	Phần mềm Win7 Pro SP1	Số 0015855, ngày 10/04/2012	Nhóm CSVC
383	9.1	QĐ phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Học viện Chính sách và Phát triển	QĐ Số 136/QĐ-BKHĐT ngày 05/02/2016	Nhóm CSVC
384	9.1	QĐ V/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Học viện Chính sách và Phát triển	QĐ Số 1276/QĐ-BKHĐT ngày 18/09/2017	Nhóm CSVC
385	9.3	QĐ v/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Học viện	Quyết định số 1276/QĐ-BKHĐT ngày 18/9/2017	Nhóm CSVC
386	9.5	Quy định đối với nhân viên bảo vệ	2014 - 2019	Nhóm CSVC
387	10.5	Quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.	2014-2019	Nhóm CSVC
388	9.5	Quyết định về việc thành lập Hội đồng an ninh trật tự Học viện Chính sách và Phát triển	2014 - 2019	Nhóm CSVC
389	9.5	Quyết định ban hành nội quy cơ quan, nội quy phòng thực hành thí nghiệm, nội quy giảng đường	2014 - 2019	Nhóm CSVC
390	9.5	Quyết định ban hành Quy chế công tác phòng cháy và chữa cháy của Bộ KHĐT	Số 594/QĐ-BKH ngày 27/4/2010	Nhóm CSVC
391	9.3	Quyết định điều chỉnh phê duyệt dự án ĐTXD Học viện Chính sách và Phát triển	Quyết định số 377/QĐ-BKHĐT ngày 29/3/2016	Nhóm CSVC
392	9.3	Quyết định phê duyệt dự án ĐTXD Học viện Chính sách và Phát triển	Quyết định số 136/QĐ-BKHĐT ngày 05/02/2016	Nhóm CSVC
393	9.5	Quyết định thành lập Đội an ninh xung kích thực hiện mô hình “Nhà trường an toàn về an ninh trật tự”	2014 - 2019	Nhóm CSVC
394	9.1	Quyết định V/v ban hành quy định về trang bị, quản lý và sử dụng trang thiết bị, cơ sở vật chất	2014 - 2019	Nhóm CSVC

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
395	9.1	Quyết định V/v phương án bố trí vị trí, diện tích làm việc cho các đơn vị thuộc Bộ sử dụng toà nhà Dự án "Đầu tư xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học của Bộ Kế hoạch và Đầu tư" tại lô D25, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Hà Nội	QĐ Số 690/QĐ-BKHĐT ngày 07/06/2012	Nhóm CSVC
396	9.3	Quyết định V/v phương án bố trí vị trí, diện tích làm việc cho các đơn vị thuộc Bộ sử dụng toà nhà Dự án "Đầu tư xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học của Bộ Kế hoạch và Đầu tư" tại lô D25, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Hà Nội	QĐ Số 690/QĐ-BKHĐT ngày 07/06/2012	Nhóm CSVC
397	9.1	Quyết định V/v Quy định quản lý, sử dụng trụ sở của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại lô D25	QĐ Số 1390/QĐ-BKHĐT ngày 07/10/2013	Nhóm CSVC
398	9.3	Quyết định V/v Quy định quản lý, sử dụng trụ sở của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại lô D25	QĐ Số 1390/QĐ-BKHĐT ngày 07/10/2013	Nhóm CSVC
399	9.5	Quyết định về việc Ban hành Nội quy Phòng cháy và chữa cháy cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	Số 1141/QĐ-BKHĐT ngày 06/10/2014	Nhóm CSVC
400	9.5	Quyết định về việc cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	Số 2258/QĐ-CSPC&CC-P6 ngày 19/9/2016	Nhóm CSVC
401	9.3	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh chi tiết ô đất ký hiệu CT-11 trong Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị Nam An Khánh và phần mở rộng – Khu B tỷ lệ 1/500.	Quyết định số 7260/QĐ-UBND ngày 30/12/2014	Nhóm CSVC
402	9.5	Quyết định về việc thành lập Ban chỉ huy phòng cháy và chữa cháy Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	Số 1882/QĐ-BKHĐT ngày 12/12/2013	Nhóm CSVC
403	9.5	Quyết định về việc thành lập đội phòng cháy và chữa cháy tại trụ sở D25, khu đô thị mới Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Số 1141/QĐ-BKHĐT ngày 03/8/2016	Nhóm CSVC
404	9.5	Quyết định về việc thành lập Trung đội Tự vệ và tổ chức luyện tập Quân sự hàng năm	2014 - 2019	Nhóm CSVC

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
405	9.3	Quyết định về việc: Thu hồi 50.876m2 đất tại ô đất CQ – Khu đô thị Nam An Khánh và phần mở rộng (Khu B), xã An Thượng, huyện Hoài Đức; giao cho Học viện Chính sách và Phát triển để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Học viện CSPT.	QĐ số 4651/QĐ-UBND ngày 26/8/2016	Nhóm CSVC
406	9.1	Sơ đồ bố trí các phòng học. Tổng diện tích các phòng học		Nhóm CSVC
407	9.3	Sơ đồ bố trí các phòng học. Tổng diện tích các phòng học	2014 - 2019	Nhóm CSVC
408	8.5	Sơ đồ, diện tích làm việc tại trụ sở D25	2014 - 2019	Nhóm CSVC
409	8.5	Sơ đồ, diện tích làm việc tại trụ sở Nam An Khánh	2014 - 2019	Nhóm CSVC
410	9.1	Sổ theo dõi tần suất khai thác các TTB phục vụ đào tạo và NCKH	2014 - 2019	Nhóm CSVC
411	9.1	Sổ theo dõi tần suất sử dụng các phòng học	2014 - 2018	Nhóm CSVC
412	9.2	Tài liệu về đầu tư phần mềm quản lý thư viện	2014 - 2019	Nhóm CSVC
413	9.2	Thông báo tập huấn, tài liệu tập huấn...	2014 - 2019	Nhóm CSVC
414	9.3	Thông báo v/v phân bổ phòng học và diện tích sử dụng thuộc Học viện tại tòa nhà D25 - 8 Tôn Thất Thuyết, Hà Nội Thống kê tổng diện tích lớp học, tỷ lệ bình quân diện tích trên tổng số người học theo từng chuyên ngành Số 125/HVCSPT-TB ngày 31/10/2013 HVCSPT	Số 125/HVCSPT-TB ngày 31/10/2013	Nhóm CSVC
415	9.1	Thống kê các phiếu yêu cầu sửa chữa, bảo trì Trang thiết bị	2014 - 2019	Nhóm CSVC
416	9.3	Thống kê các phòng học giảng đường	2014 - 2019	Nhóm CSVC
417	9.3	Thống kê các phòng học thực hành Tin học, Ngoại ngữ	2014 - 2019	Nhóm CSVC
418	9.2	Thống kê danh mục sách, giáo trình, tài liệu, học liệu phục vụ đào tạo Ngành KTQT chuyên ngành KTĐN	2014 - 2019	Nhóm CSVC
419	9.1	Thống kê hàng năm số lượng trang thiết bị	2014 - 2019	Nhóm CSVC
420	10.5	Thống kê máy tính, trang thiết bị	2014-2019	Nhóm CSVC
421	9.4	Thống kê và danh mục các phần mềm có bản quyền đã và đang sử dụng	2014 - 2018	Nhóm CSVC
422	9.5	Văn bản quy định về an toàn trong phòng thực hành: Quy chế sử dụng phòng Lab.	QĐ số 542/QĐ-HVCSPT ngày 23/8/2017.	Nhóm CSVC
423	9.3	Xác nhận bản vẽ Phương án kiến trúc công trình Học viện	Văn bản số 3275/QHKT-PAKT-P5-P7	Nhóm CSVC

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
424	3.2	Biên bản hội thảo liên quan đến thảo luận nội dung học phần đạt được CĐR	2015, 2018	Nhóm Bộ môn
425	4.2	Biên bản hội thảo liên quan đến thảo luận, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập.	2015, 2018	Nhóm Bộ Môn
426	2.2	Biên bản hội thảo y kiến đóng góp của các bên liên quan về nội dung, chất lượng của các môn học/học phần	2015, 2018	Nhóm Bộ Môn
427	2.2	Biên bản họp bộ môn về rà soát đề cương môn học/học phần	2015, 2018	Nhóm Bộ Môn
428	1.3	Biên bản họp đánh giá kết quả chuẩn đầu ra Tiếng Anh	2017, 2018	Nhóm Bộ Môn
429	1.3	Biên bản họp đánh giá kết quả chuẩn đầu ra Tiếng Anh	2017, 2018	Nhóm Bộ Môn
430	5.1	Biên bản họp đánh giá kết quả chuẩn đầu ra Tiếng Anh	2018	Nhóm Bộ Môn
431	5.1	Biên bản họp đánh giá kết quả chuẩn đầu ra Tin học	2018	Nhóm Bộ Môn
432	5.1	Biên bản tổng kết/ sơ kết hội nghị về các phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập	2015, 2018	Nhóm Bộ Môn
433	4.2	Biên bản tổng kết/ sơ kết hội nghị về các phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập	2015, 2018	Nhóm Bộ Môn
434	5.1	Biên bản tổng kết/ sơ kết hội nghị về các phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập	2014 - 2019	Nhóm Bộ Môn
435	5.3	Biên bản tổng kết/ sơ kết hội nghị về các phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập	2015, 2018	Nhóm Bộ Môn
436	10.3	Biên bản tổng kết/ sơ kết hội nghị về các phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập	2015, 2018	Nhóm Bộ Môn
437	10.3	Các kế hoạch kiểm tra chuyên môn	2015, 2018	Nhóm Bộ Môn
438	4.2	Cổng thông tin học Tiếng Anh trực tuyến		Nhóm Bộ Môn
439	3.1	Hồ sơ giảng dạy của giảng viên	2016, 2018	Nhóm Bộ Môn
440	5.1	Hồ sơ giảng dạy của giảng viên	2015, 2018	Nhóm Bộ Môn
441	5.5	Hồ sơ giảng dạy của giảng viên	2014 -2019	Nhóm Bộ Môn
442	10.3	Hội nghị chuyên môn hàng năm	2014-2019	Nhóm Bộ Môn
443	10.3	Kế hoạch công tác chuyên môn của Khoa, Bộ môn	2014-2019	Nhóm Bộ Môn
444	1.2	Quyết định về việc Ban hành quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tin học đối với sinh viên đại học hệ chính quy tại HVCSPT	số 462/QĐ-HVCSPT ngày 12/09/2014	Nhóm Bộ Môn
445	5.1	Quyết định về việc Ban hành quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tin học đối với sinh viên đại học hệ chính quy tại HVCSPT	số 462/QĐ-HVCSPT ngày 12/09/2014	Nhóm Bộ Môn

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
446	1.2	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng anh đối với các chuyên ngành đào tạo hệ đại học của HVCSPT	số 432/QĐ-HVCSPT ngày 27/08/2014	Nhóm Bộ Môn
447	5.1	Quyết định về việc quy định áp dụng chuẩn đầu ra Tiếng anh đối với các chuyên ngành đào tạo hệ đại học của HVCSPT	số 432/QĐ-HVCSPT ngày 27/08/2014	Nhóm Bộ Môn
448	5.1	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành QTKD, chuyên ngành QTDN	2015	Khoa kiểm định
449	5.1	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành QTKD, chuyên ngành QTDN	2018	Khoa kiểm định
450	5.2	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành QTKD, chuyên ngành QTDN	2015	Khoa kiểm định
451	5.2	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành QTKD, chuyên ngành QTDN	2018	Khoa kiểm định
452	5.3	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành QTKD, chuyên ngành QTDN	2015	Khoa kiểm định
453	5.3	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành QTKD, chuyên ngành QTDN	2018	Khoa kiểm định
454	5.1	Bảng so sánh mô tả chương trình đào tạo 2018 so 2015	2018	Khoa kiểm định
455	5.2	Bảng so sánh mô tả chương trình đào tạo 2018 so 2015	2018	Khoa kiểm định
456	5.3	Bảng so sánh mô tả chương trình đào tạo 2018 so 2015	2018	Khoa kiểm định
457	5.4	Biên bản hội nghị sơ kết/tổng kết hàng năm của sinh viên ngành QTKD, chuyên ngành QTDN	2014 -2019	Khoa kiểm định
458	8.1	Biên bản hội thảo về chính sách tuyển sinh Ngành QTKD, chuyên ngành QTDN	2014 - 2019	Khoa kiểm định
459	8.4	Chương trình thực tế tại doanh nghiệp, mời chuyên gia	2014 - 2019	Khoa kiểm định
460	8.4	Danh sách các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp phối hợp với khoa trong việc hỗ trợ đào tạo, thực hành, thực tập và tuyển dụng	2014 - 2019	Khoa kiểm định
461	5.1	Đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp	2015, 2018	Khoa kiểm định
462	5.2	Đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp	2015, 2018	Khoa kiểm định
463	5.3	Đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp	2015, 2018	Khoa kiểm định
464	5.1	Kế hoạch giảng dạy ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp	2015, 2018	Khoa kiểm định
465	5.4	Kế hoạch và biên bản tổ chức hội nghị đối thoại sinh viên ngành QTKD, chuyên ngành QTDN	2014 -2019	Khoa kiểm định
466	10.6	Bảng so sánh chương trình đào tạo 2018 so 2015	2018	Khoa kiểm định

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
467	11.3	Báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về việc làm của sinh viên ngành KTQT, chuyên ngành KTDN	2014-2019	Khoa kiểm định
468	11.4	Báo cáo tổng kết công tác NCKH sinh viên cấp khoa	2014-2019	Khoa kiểm định
469	11.1	Biên bản đối thoại sinh viên hàng năm	2014-2019	Khoa kiểm định
470	10.2	Biên bản Hội thảo/Toạ đàm lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT	2015, 2018	Khoa kiểm định
471	10.1	Biên bản Hội thảo/Toạ đàm lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT ngành KTQT, chuyên ngành KTDN	2015, 2018	Khoa kiểm định
472	11.1	Biên bản họp hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cấp HV hàng năm	2014-2019	Khoa kiểm định
473	11.1	Biên bản họp hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cấp khoa hàng năm	2014-2019	Khoa kiểm định
474	11.3	Biên bản họp khoa	2014-2019	Khoa kiểm định
475	11.1	Biên bản họp khoa về xét tình hình nghỉ học, lên lớp của sinh viên	2014-2019	Khoa kiểm định
476	9.1	Danh sách các phần mềm sử dụng giảng dạy, học tập	2014 - 2019	Khoa kiểm định
477	10.1	Đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT ngành KTQT, chuyên ngành KTDN	2015, 2018	Khoa kiểm định
478	9.2	Đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo ngành KTQT, chuyên ngành KTDN	2015, 2018	Khoa kiểm định
479		Đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo ngành KTQT, chuyên ngành KTDN	2015, 2018	Khoa kiểm định
480	10.3	Đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo ngành KTQT, chuyên ngành KTDN	2015, 2018	Khoa kiểm định
481	11.2	Hồ sơ tốt nghiệp các năm (Kết quả xét tốt nghiệp của sinh viên ngành KTQT chuyên ngành KTDN)	2014-2019	Khoa kiểm định
482	11.1	Hướng dẫn sinh hoạt tháng cho các lớp sinh viên	2014-2019	Khoa kiểm định
483	11.1	Sổ tay nghiệp vụ cố vấn học tập các lớp	2014-2019	Khoa kiểm định
484	11.1	Thống kê danh sách sinh viên nghỉ học, tì lệ thôi học	2014-2019	Khoa kiểm định
485	11.1	Thống kê danh sách tỉ lệ tốt nghiệp hằng năm	2014-2019	Khoa kiểm định
486	1.1	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015	Khoa kiểm định
487	1.1	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Khoa kiểm định
488	1.2	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2016	Khoa kiểm định
489	1.2	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Khoa kiểm định
490	1.3	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015	Khoa kiểm định

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
491	1.3	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Khoa kiểm định
492	2.1	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015	Khoa kiểm định
493		Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Khoa kiểm định
494	2.3	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015	Khoa kiểm định
495	2.3	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Khoa kiểm định
496	3.1	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015	Khoa kiểm định
497	3.1	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Khoa kiểm định
498	3.2	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015	Khoa kiểm định
499	3.2	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Khoa kiểm định
500	3.3	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015	Khoa kiểm định
501	3.3	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Khoa kiểm định
502	4.1	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015	Khoa kiểm định
503	4.1	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Khoa kiểm định
504	4.2	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015	Khoa kiểm định
505		Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Khoa kiểm định
506	4.3	Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015	Khoa kiểm định
507		Bản mô tả chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Khoa kiểm định
508	3.1	Bảng so sánh chương trình đào tạo 2018 so 2015	2018	Khoa kiểm định
509	3.2	Bảng so sánh chương trình đào tạo 2018 so 2015	2018	Khoa kiểm định
510	3.3	Bảng so sánh chương trình đào tạo 2018 so 2015	2018	Khoa kiểm định
511	10.1	Bảng so sánh chương trình đào tạo 2018 so 2015	2018	Khoa kiểm định
512	1.3	Bảng so sánh mô tả chương trình đào tạo 2018 so 2015	2018	Khoa kiểm định
513		Bảng so sánh mô tả chương trình đào tạo 2018 so 2015	2018	Khoa kiểm định
514	3.1	Bảng so sánh mô tả chương trình đào tạo 2018 so 2015	2018	Khoa kiểm định
515	3.2	Bảng so sánh mô tả chương trình đào tạo 2018 so 2015	2018	Khoa kiểm định
516	3.3	Bảng so sánh mô tả chương trình đào tạo 2018 so 2015	2018	Khoa kiểm định
517	10.1	Bảng so sánh mô tả chương trình đào tạo 2018 so 2015	2018	Khoa kiểm định
518	3.3	Biên bản Hội thảo/Toạ đàm lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về rà soát CTĐT ngành Kinh tế, Chuyên ngành KHPT	2015, 2018	Khoa kiểm định
519	1.3	Biên bản họp đánh giá kết quả chuẩn đầu ra của sinh viên K5, K6 cấp khoa	2018	Khoa kiểm định
520	1.3	Biên bản họp hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cấp khoa hàng năm	2015, 2018	Khoa kiểm định

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
521	3.2	Biên bản làm việc với nhà tuyển dụng	2015, 2018	Khoa kiểm định
522	4.3	Chương trình thực tế tại doanh nghiệp, mời chuyên gia	2014-2019	Khoa kiểm định
523	1.2	Đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2014, 2016, 2018	Khoa kiểm định
524	2.1	Đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015, 2018	Khoa kiểm định
525	2.2	Đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015, 2018	Khoa kiểm định
526	2.3	Đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015, 2018	Khoa kiểm định
527	3.1	Đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015, 2018	Khoa kiểm định
528	3.2	Đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015, 2018	Khoa kiểm định
529	3.3	Đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015, 2018	Khoa kiểm định
530	4.1	Đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015, 2018	Khoa kiểm định
531	4.2	Đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015, 2018	Khoa kiểm định
532	4.3	Đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015, 2018	Khoa kiểm định
533	3.1	Kế hoạch giảng dạy ngành Kinh tế, Chuyên ngành KHPT	2015, 2018	Khoa kiểm định
534	4.1	KH gặp mặt SV đầu năm của Khoa	2014-2019	Khoa kiểm định
535	3.2	Ma trận tích hợp CDR môn học trong Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Khoa kiểm định
536	3.1	Ma trận tích hợp CDR môn học trong chương trình đào tạo Ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2018	Khoa kiểm định
537	1.1	Quyết định tổ chức hội thảo, Biên bản Hội thảo lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan phục vụ điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015, 2018	Khoa kiểm định

STT	Tiêu chí	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Đơn vị thực hiện
538	1.2	Quyết định tổ chức hội thảo, Biên bản Hội thảo lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan phục vụ điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2016, 2018	Khoa kiểm định
539	2.1	Quyết định tổ chức hội thảo, Biên bản Hội thảo lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan phục vụ điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015, 2018	Khoa kiểm định
540	3.1	Quyết định tổ chức hội thảo, Biên bản Hội thảo lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan phục vụ điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015, 2018	Khoa kiểm định
541	3.2	Quyết định tổ chức hội thảo, Biên bản Hội thảo lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan phục vụ điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Kinh tế, chuyên ngành KHPT	2015, 2018	Khoa kiểm định
542	3.2	Quyết định tổ chức hội thảo, Biên bản Hội thảo lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về mô tả CTĐT	2015, 2018	Khoa kiểm định
543	1.3	Quyết định tổ chức Toạ đàm, Biên bản toạ đàm lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan phục vụ điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành Kinh tế, Chuyên ngành KHPT	2015, 2018	Khoa kiểm định
544	4.2	Tổng kết công tác thực tập của sinh viên cấp khoa	2014-2019	Khoa kiểm định
545	2.2	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo	2015, 2018	Khoa kiểm định
546	3.2	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo	2015, 2018	Khoa kiểm định
547	3.2	Trang thông tin giới thiệu về chương trình đào tạo http://qltd.apd.edu.vn ; Tinchi.apd.edu.vn	2015, 2018	Khoa kiểm định
548	10.2	Bảng so sánh chương trình đào tạo 2018 so 2015	2018	Khoa kiểm định
549	10.2	Bảng so sánh mô tả chương trình đào tạo 2018 so 2015	2018	Khoa kiểm định
550	5.1	Biên bản họp đánh giá kết quả chuẩn đầu ra của sinh viên K5, K6	2014 - 2019	Khoa kiểm định